

Số: 3978TB-HĐTS

Đồng Tháp, ngày 22 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO

Điểm trúng tuyển các ngành trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2023

- Mã phương thức 100 - xét kết quả thi tốt nghiệp THPT – Đợt 1;
- Mã phương thức 200 - xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – Đợt 2;
- Mã phương thức 402 - xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM – Đợt 2

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1919/BGDĐT-GDDH ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHĐT ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 712/ĐA-ĐHĐT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Trường Đại học Đồng Tháp về việc ban hành Đề án tuyển sinh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch số 1445/KH-ĐHĐT-HĐTS ngày 15 tháng 4 năm 2023 về việc triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2023;

Căn cứ hồ sơ đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo Thông báo số 2876/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 04 tháng 7 năm 2023 và theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT – đợt 1; phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – đợt 2; phương thức xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM – đợt 2.

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Đồng Tháp thống nhất điểm trúng tuyển theo các phương thức trên như sau:

1. Điểm trúng tuyển:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
					THPT	Học bạ	ĐGNL
1	Giáo dục Mầm non	7140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	23,23	28	701
			M05	Văn, Sử, NK GDMN			
			C19	Văn, Sử, GD CD			
			C20	Văn, Địa, GD CD			
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	C01	Văn, Toán, Lý	23,28	28,3	701
			C03	Văn, Toán, Sử			
			C04	Văn, Toán, Địa			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
3	Giáo dục Công dân	7140204	C00	Văn, Sử, Địa	26,51	không xét	không xét
			C19	Văn, Sử, GD CD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
4	Giáo dục Chính trị	7140205	C00	Văn, Sử, Địa	25,8	không xét	không xét
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
5	Giáo dục Thể chất	7140206	T00	Toán, Sinh, NKTDTT	25,66	không xét	không xét
			T05	Văn, GDCD, NKTDTT			
			T06	Toán, Địa, NKTDTT			
			T07	Văn, Địa, NKTDTT			
6	Sư phạm Toán học - Chương trình đại trà - Chương trình toán tiếng Anh	7140209	A00	Toán, Lý, Hóa	24,17	không xét	không xét
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
7	Sư phạm Tin học	7140210	A00	Toán, Lý, Hóa	19	26,2	701
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
8	Sư phạm Vật lý	7140211	A00	Toán, Lý, Hóa	23,98	không xét	không xét
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
9	Sư phạm Hóa học	7140212	A00	Toán, Lý, Hóa	24,45	không xét	không xét
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			A06	Toán, Hóa, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
10	Sư phạm Sinh học	7140213	A02	Toán, Lý, Sinh	23,2	không xét	không xét
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
			B02	Toán, Sinh, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00	Văn, Sử, Địa	26,4	không xét	không xét
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
12	Sư phạm Lịch sử	7140218	C00	Văn, Sử, Địa	27,4	không xét	không xét
			C19	Văn, Sử, GDCD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D09	Toán, Sử, Tiếng Anh			
13	Sư phạm Địa lý	7140219	C00	Văn, Sử, Địa	25,57	không xét	không xét
			C04	Văn, Toán, Địa			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
			A07	Toán, Sử, Địa			
14	Sư phạm Âm nhạc	7140221	N00	Văn, Hát, Thảm âm-Tiết tấu	18	24,96	không xét
			N01	Toán, Hát, Thảm âm-Tiết tấu			
15	Sư phạm Mỹ thuật	7140222	H00	Văn, Trang trí, Hình họa	18	22	không xét
			H07	Toán, Trang trí, Hình họa			
16	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	23,79	28,5	770
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
			D13	Văn, Sinh, Tiếng Anh			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
17	Sư phạm Công nghệ	7140246	A00	Toán, Lý, Hóa	19	25	701
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
18	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	A00	Toán, Lý, Hóa	19	25	701
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
19	Sư phạm Lịch sử và Địa lý	7140249	C00	Văn, Sử, Địa	20,25	28	701
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
			A07	Toán, Sử, Địa			
20	Ngôn ngữ Anh - Biên-phiên dịch - Tiếng Anh kinh doanh - Tiếng Anh du lịch	7220201	D01	Văn, Toán, Tiếng Anh	18	24	615
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
			D13	Văn, Sinh, Tiếng Anh			
21	Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung Quốc - Ngôn ngữ Trung - Anh	7220204	C00	Văn, Sử, Địa	18	25	615
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
22	Quản lý văn hóa (Sự kiện và truyền thông)	7229042	C00	Văn, Sử, Địa	15	19	615
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
23	Tâm lý học giáo dục	7310403	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			C00	Văn, Sử, Địa			
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
24	Địa lý học (Địa lý du lịch)	7310501	A07	Toán, Sử, Địa	15	19	615
			C00	Văn, Sử, Địa			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh			
25	Việt Nam học (Hướng dẫn viên du lịch; Quản lý Nhà hàng và Khách sạn)	7310630	C00	Văn, Sử, Địa	15	20	615
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
26	Quản trị kinh doanh	7340101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
27	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
28	Tài chính - Ngân hàng	7340201	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			
29	Kế toán	7340301	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh			

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp	Môn xét tuyển	Điểm trúng tuyển		
30	Quản lý công	7340403	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			C15	Văn, Toán, Khoa học xã hội			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
31	Luật	7380101	A00	Toán, Lý, Hóa	15,5	24	615
			C00	Văn, Sử, Địa			
			C14	Văn, Toán, GD&CD			
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh			
32	Công nghệ sinh học	7420201	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
33	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	7440301	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
34	Khoa học Máy tính (Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và an ninh)	7480101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
35	Công nghệ thông tin	7480201	A00	Toán, Lý, Hóa	16	22	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			A02	Toán, Lý, Sinh			
			A04	Toán, Lý, Địa			
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh			
36	Nông học (Bảo vệ thực vật; Trồng trọt; Chăn nuôi thú y và thủy sản)	7620109	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
37	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
38	Công tác xã hội	7760101	C00	Văn, Sử, Địa	15	19	615
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh			
39	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh			
40	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa	15	19	615
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh			
			B00	Toán, Hóa, Sinh			
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh			
41	Giáo dục Mầm non (Cao đẳng)	51140201	M00	Văn, Toán, NK GDMN	23	27	615
			M05	Văn, Sử, NK GDMN			
			C19	Văn, Sử, GD&CD			
			C20	Văn, Địa, GD&CD			

Lưu ý:

- Môn năng khiếu do Trường Đại học Đồng Tháp tổ chức hoặc lấy kết quả thi năng khiếu từ trường đại học khác.
- Tổ hợp môn thi A04, A06, B02 không xét tuyển theo mã phương thức 100.
- Tổ hợp môn thi C15, D90 không xét tuyển theo mã phương thức 200;
- Mã phương thức 402 không sử dụng tổ hợp để xét tuyển, chỉ xét điểm của kỳ thi đánh giá năng lực ĐHQG HCM năm 2023.

2. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

2.1. Đối tượng hưởng ưu tiên: Thực hiện theo khoản 1, 2 Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

2.2. Mức điểm cộng ưu tiên:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên.

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

2.3. Cách tính điểm ưu tiên, điểm xét tuyển**2.3.1. Cách tính điểm ưu tiên**

- Thí sinh xem tại: <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1419>

- Từ năm 2023, thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp; Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT. Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

(1) Kết quả thi tốt nghiệp THPT, kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.}$

(2) Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực

Điểm ưu tiên giữa các khu vực và đối tượng được quy đổi như sau: khu vực 3 cộng 0 điểm; khu vực 2 cộng 10 điểm; khu vực 2 nông thôn cộng 20 điểm; khu vực 1 cộng 30 điểm. Thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 1 (đối tượng 01, 02, 03, 04) được cộng 80 điểm; thí sinh thuộc nhóm ưu tiên 2 (đối tượng 05, 06, 07) được cộng 40 điểm.

2.3.2. Cách tính điểm xét tuyển

(1) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT: là tổng điểm các môn thi (thang điểm 10) của tổ hợp xét tuyển ứng với ngành do thí sinh đăng ký; cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (Điều 7, Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT) và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Điểm xét tuyển = $[(\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm Môn 3})]$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2).

(2) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – đợt 2:

- Đối với dùng điểm Trung bình lớp 12 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển:

Điểm xét tuyển = $(\text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3})$ (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2).

- Đối với dùng điểm Trung bình cả năm lớp 12:

Điểm xét tuyển = (Điểm Trung bình cả năm lớp 12 x 3) (làm tròn đến hai chữ số thập phân) + điểm ưu tiên (xem mục 2).

(3) Cách tính điểm xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM – đợt 2:

Điểm xét tuyển = Điểm ĐGNL + điểm ưu tiên (xem mục 2).

3. Nguyên tắc xét tuyển chung và cách tính điểm trúng tuyển

3.1. Nguyên tắc xét tuyển chung

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của phương thức xét tuyển tương ứng.

- Đối với thí sinh tham gia xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm của Trường ĐHĐT đăng ký trên hệ thống Bộ, thí sinh được xét trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những nguyện vọng đủ **Điểm trúng tuyển** theo kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển theo Thông báo số 2876/TB-ĐHĐT-HĐTS ngày 04 tháng 7 năm 2023.

- Đối với những ngành có chuyên ngành, sau khi trúng tuyển và nhập học theo ngành, thí sinh được chọn chuyên ngành theo học.

- Việc sử dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định về điểm ưu tiên được quy định tại Điều 7 của Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT.

- Gửi đủ hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm: Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu) và bản photocopy công chứng học bạ THPT, giấy chứng nhận kết quả thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM (nếu có), giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu (nếu thí sinh lấy kết quả thi năng khiếu của trường đại học khác để xét tuyển), lệ phí xét tuyển, lệ phí thi tuyển (nếu có) **đối với các thí sinh đăng xét tuyển theo mã phương thức 200, 402.**

3.2. Cách tính trúng tuyển

Thí sinh trúng tuyển nếu có **Điểm xét tuyển** bằng hoặc lớn hơn **Điểm trúng tuyển** (xem mục 1) của ngành tương ứng. Thí sinh được xét trúng tuyển 01 nguyện vọng có thứ tự ưu tiên cao nhất trong số những nguyện vọng đủ Điểm trúng tuyển.

Đối với các ngành có tổ hợp xét tuyển chứa môn năng khiếu:

+ Ngành cao đẳng Giáo dục Mầm non: **Điểm xét tuyển** ≥ 23 và $[(TO+VA+UT*2/3) \geq 11,33: M00]$; hoặc $[VA+SU+UT*2/3 \geq 11,33: M05]$

+ Ngành Đại học Giáo dục Mầm non: **Điểm xét tuyển** $\geq 23,23$ và $[(TO+VA+UT*2/3) \geq 12,67: M00]$; hoặc $[VA+SU+UT*2/3 \geq 12,67: M05]$

+ Ngành Giáo dục Thể chất: **Điểm xét tuyển** $\geq 25,66$ và $[VA+GD+UT*2/3 \geq 12: T05]$; hoặc $[TO+DI+UT*2/3 \geq 12: T06]$; hoặc $[TO+SI+UT*2/3 \geq 12: T00]$; hoặc $[VA+DI+UT*2/3 \geq 12: T07]$;

+ Ngành Sư phạm Âm nhạc: **Điểm xét tuyển** ≥ 18 và $[VA+UT/3 \geq 6: N00]$; hoặc $[TO+UT/3 \geq 6: N01]$.

+ Ngành Sư phạm Mỹ thuật: **Điểm xét tuyển** ≥ 18 và $[VA+UT/3 \geq 6: H00]$; hoặc $[TO+UT/3 \geq 6: H07]$.

4. Tra cứu kết quả xét tuyển:

Thí sinh tra cứu kết quả xét tuyển tại địa chỉ:

<http://tuyensinh.dthu.edu.vn/tra-cuu-ket-qua-xet-tuyen.aspx>

5. Thí sinh trúng tuyển cần phải thực hiện:

5.1. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển theo kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 hoặc thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm của Trường ĐHĐT **đăng ký trên hệ thống Bộ**

Thí sinh phải xác nhận nhập học trực tuyến trên Hệ thống <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/>, thời gian từ ngày **21/8 đến trước 17 giờ 00 ngày 6/9/2023**. Nếu thí sinh không xác nhận nhập học ngành trúng tuyển trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì thí sinh tự hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo thông báo này và Trường Đại học Đồng Tháp không giải quyết khiếu nại về sau.

5.2. Đối với thí sinh tham gia xét tuyển theo phương thức xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) – đợt 2; phương thức xét kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM – đợt 2

Thí sinh phải xác nhận nhập học **trực tiếp** tại Trường Đại học Đồng Tháp, thời gian từ ngày **21/8 đến trước 17 giờ 00 ngày 6/9/2023**. Nếu thí sinh không xác nhận nhập học ngành trúng tuyển thì thí sinh tự hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo thông báo này và Trường Đại học Đồng Tháp không giải quyết khiếu nại về sau.

5.3. Nộp hồ sơ xác nhận nhập học

Tất cả thí sinh thuộc đối tượng ở **Mục 5.1** hoặc **Mục 5.2** đều phải nộp hồ sơ xác nhận nhập học trực tiếp tại Phòng Bảo đảm chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp hoặc gửi thư bảo đảm về địa chỉ: Phòng Bảo đảm chất lượng, Trường Đại học Đồng Tháp, 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp, điện thoại: 0277.3882258. Hồ sơ xác nhận nhập học gồm:

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023: nộp bản gốc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2023 (*thí sinh được đặc cách tốt nghiệp không cần nộp*) và bản sao công chứng Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT 2022 trở về trước: nộp bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT và bản gốc Giấy chứng nhận kết quả thi THPT năm 2023 (nếu có).

6. Nhận giấy báo trúng tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Đồng Tháp

Sau khi thí sinh hoàn thành **Mục 5**, Nhà trường sẽ cấp trực tiếp cho thí sinh Giấy báo trúng tuyển và hướng dẫn thí sinh nộp hồ sơ nhập học.

7. Hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học

- Sau khi hoàn thành xác nhận nhập học, thí sinh xem thông báo số 3802/TB-ĐHĐT ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc hướng dẫn nộp hồ sơ nhập học khóa tuyển sinh năm 2023.

- Thí sinh xem tại: <https://qao.dthu.edu.vn/post/id-1461>

8. Tiếp tục nhận hồ sơ xét tuyển **đợt 3** (phụ lục I) các phương thức và theo thời gian:

8.1. Phương thức xét tuyển

- Mã phương thức 100: kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Mã phương thức 200: xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);
- Mã phương thức 402: xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM;

8.2. Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển: nhận đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2023.

9. Giải đáp thắc mắc:

Mọi thông tin chi tiết liên quan đến kết quả xét tuyển, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Bảo đảm chất lượng - Trường Đại học Đồng Tháp để được giải đáp:

- Địa chỉ: số 783 Phạm Hữu Lầu, Phường 6, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp;
- Điện thoại: 0277.3882258 hoặc 0277.3995599;
- Email: tuyensinh@dthu.edu.vn hoặc dhdt@dthu.edu.vn
- Facebook: www.facebook.com/dongthapuni

Nơi nhận: *Như*

- Lãnh đạo trường;
- Các đơn vị trong trường;
- Website: tuyensinh.dthu.edu.vn;
- Lưu: VT, BDCL, T.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**HIỆU TRƯỞNG
Hồ Văn Thống**

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH CÁC NGÀNH TIẾP TỤC NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

- Mã phương thức 100: kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023;
- Mã phương thức 200: xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ);
- Mã phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh (Điều 8);
- Mã phương thức 402: xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2023 của ĐHQG TP.HCM;

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển
1	Quản lý văn hóa (Sự kiện và truyền thông)	7229042	C00	Văn, Sử, Địa
			C19	Văn, Sử, GD&CD
			C20	Văn, Địa, GD&CD
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
2	Tâm lý học giáo dục	7310403	A00	Toán, Lý, Hóa
			C00	Văn, Sử, Địa
			C19	Văn, Sử, GD&CD
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh
3	Địa lý học (Địa lý du lịch)	7310501	A07	Toán, Sử, Địa
			C00	Văn, Sử, Địa
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh
			D15	Văn, Địa, Tiếng Anh
4	Kinh doanh quốc tế	7340120	A00	Toán, Lý, Hóa
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh
			D10	Toán, Địa, Tiếng Anh
5	Quản lý công	7340403	A00	Toán, Lý, Hóa
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			C15	Văn, Toán, Khoa học xã hội
			D01	Văn, Toán, Tiếng Anh
6	Công nghệ sinh học	7420201	A00	Toán, Lý, Hóa
			A02	Toán, Lý, Sinh
			B00	Toán, Hóa, Sinh
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
7	Khoa học môi trường (Môi trường; An toàn sức khỏe môi trường)	7440301	A00	Toán, Lý, Hóa
			B00	Toán, Hóa, Sinh
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
8	Khoa học Máy tính (Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và an ninh)	7480101	A00	Toán, Lý, Hóa
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			A02	Toán, Lý, Sinh
			A04	Toán, Lý, Địa
			D90	Toán, KHTN, Tiếng Anh
9	Nuôi trồng thủy sản	7620301	A00	Toán, Lý, Hóa
			B00	Toán, Hóa, Sinh
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
10	Công tác xã hội	7760101	C00	Văn, Sử, Địa
			C19	Văn, Sử, GD&CD
			C20	Văn, Địa, GD&CD
			D14	Văn, Sử, Tiếng Anh

TT	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn	Môn xét tuyển
11	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	A00	Toán, Lý, Hóa
			B00	Toán, Hóa, Sinh
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh
			D08	Toán, Sinh, Tiếng Anh
12	Quản lý đất đai	7850103	A00	Toán, Lý, Hóa
			A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
			B00	Toán, Hóa, Sinh
			D07	Toán, Hóa, Tiếng Anh

